

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2026

*V/v xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Thiện Hào

Bà Hoàng Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị Phương T, sinh ngày 03/6/1996. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cước công dân số: 02019400**** do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 04/6/2023.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn P, xã B, tỉnh Lạng Sơn).

2. Bị đơn: Anh Hà Quốc A, sinh ngày 19/5/1991. Vắng mặt

Căn cước công dân số: 02009100**** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn P, xã B, tỉnh Lạng Sơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lộc Thị Phương T trình bày: Chị và anh Hà Quốc A kết hôn vào ngày 04/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống với bố mẹ chồng tại thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu hai người không xảy ra mâu thuẫn gì, đến năm 2017, anh Hà Quốc A bị bắt và phải đi chấp hành án 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, sau khi anh A ra tù thì hai người cũng không còn chung sống với nhau mà thỉnh thoảng chị T chỉ về thăm con do đó tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần, mặc dù hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị T và anh A đã sống ly thân từ khoảng năm 2019, 2020 cho đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lộc Thị Phương T yêu cầu được ly hôn với anh Hà Quốc A.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Hà Quốc K, sinh ngày 14/12/2014. Khi ly hôn, chị Lộc Thị Phương T yêu cầu anh Hà Quốc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để anh Hà Quốc A đến tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai, không đưa ra các yêu cầu. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành lấy lời khai của anh Hà Quốc A, nhưng anh Hà Quốc A không hợp tác, từ chối cung cấp lời khai, không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án (Được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2026, bút lục số 31 trong hồ sơ).

Tại biên bản lấy lời khai Hà Quốc K là con chung của chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại Công văn số 872/UBND-VP ngày 12/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân cho biết: Chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì báo tới chính quyền địa phương giải quyết. Cháu Hà Quốc K là con của chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A, đang sống cùng bố tại thôn N, xã B, cháu đang được nuôi dưỡng, học tập bình thường, chính quyền thôn không nhận được thông tin phản ánh tiêu cực về việc chăm sóc cháu. Hiện nay anh Hà Quốc A đang làm nghề sửa chữa ô tô trên địa bàn xã, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước

khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, con chưa thành niên, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tổ tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lộc Thị Phương T được ly hôn với anh Hà Quốc A.
- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Hà Quốc K cho anh Hà Quốc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Án phí: chị Lộc Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn P, xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lộc Thị Phương T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, còn đối với anh Hà Quốc A quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Hà Quốc A đều vắng mặt, do vậy việc xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lộc Thị Phương T thấy rằng chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A trước khi kết hôn được tự do tìm

hiếu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh Hà Quốc A đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, không đưa ra các yêu cầu về việc giải quyết vụ án, không trình bày nguyện vọng về việc được đoàn tụ, nên xét thấy giữa chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A đã không còn tình cảm, việc cho vợ chồng đoàn tụ không đảm bảo được cuộc sống hạnh phúc, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lộc Thị Phương T.

[4] Về con chung: Chị Lộc Thị Phương T và anh Hà Quốc A có 01 người con chung là Hà Quốc K, sinh ngày 14/12/2014, hiện nay đang sống với anh Hà Quốc A và có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy hiện nay cháu đang có cuộc sống, sinh hoạt và học tập ổn định. Xét nguyện vọng của cháu là tự nguyện và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của gia đình, nên việc giao con cho anh Hà Quốc A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên, đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và học tập cho cháu. Trường hợp cần thiết các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Lộc Thị Phương T không đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng, không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Hà Quốc A cũng không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt, việc anh Hà Quốc A từ chối cung cấp lời khai, không đưa ra các yêu cầu là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Tòa án chỉ giải quyết khi có yêu cầu của đương sự, do vậy không buộc chị Lộc Thị Phương T cấp dưỡng nuôi con khi đương sự không yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết anh Hà Quốc A vẫn có quyền yêu cầu Tòa án buộc chị Lộc Thị Phương T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng vụ việc khác.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Lộc Thị Phương T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lộc Thị Phương T, xử cho chị Lộc Thị Phương T được ly hôn anh Hà Quốc A.

2. Về con chung: Giao cho anh Hà Quốc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hà Quốc K, sinh ngày 14/12/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lộc Thị Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lộc Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Tiền án phí được trừ vào số tiền chị Lộc Thị Phương T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000966, ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 – Lạng Sơn;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Gia;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp

